

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính Quý I năm 2026

Thực hiện Công văn 251/SNV-CCHC ngày 17/7/2025 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn một số nội dung liên quan đến công tác CCHC và Quyết định số 3300/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt Kế hoạch cải cách hành chính trong cơ quan nhà nước của tỉnh Quảng Trị năm 2026; UBND xã Vĩnh Thủy báo cáo kết quả thực hiện Công tác Cải cách hành chính quý I năm 2026 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành

Thực hiện Quyết định số 3300/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt Kế hoạch cải cách hành chính trong cơ quan nhà nước của tỉnh Quảng Trị năm 2026, UBND xã Vĩnh Thủy đã ban hành Kế hoạch số 80/KH-UBND ngày 14/01/2026 của UBND xã về Cải cách hành chính trong cơ quan nhà nước của xã Vĩnh Thủy năm 2026.

Thực hiện các văn bản hướng dẫn của UBND tỉnh và Sở Nội vụ, UBND xã đã ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện công tác cải cách hành chính theo quy định, đồng thời chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã căn cứ chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch cụ thể và tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, đơn vị.

- *Tiến độ thực hiện Kế hoạch CCHC năm 2026*: Tại Kế hoạch CCHC năm 2025 xã Vĩnh Thủy đề ra 41 nhiệm vụ, kết quả đã thực hiện cơ bản hoàn thành 14 nhiệm vụ.

- *Thực hiện kiểm tra công tác CCHC hàng năm*: Thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính và chương trình công tác năm 2026, UBND xã thực hiện việc kiểm tra công tác cải cách hành chính trong quý III, IV năm 2026, nhằm kịp thời phát hiện những tồn tại, khó khăn hoặc vi phạm trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ CCHC tại các cơ quan, đơn vị để có hướng khắc phục, tháo gỡ, ghi nhận những đề xuất, kiến nghị của các đơn vị để chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện.

- *Công tác tuyên truyền CCHC*: UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 30/01/2025 về tuyên truyền cải cách hành chính nhà nước xã Vĩnh Thủy năm 2025. Theo kế hoạch đề ra công tác tuyên truyền được lồng ghép với các cuộc họp, các cuộc tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật để cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân nắm bắt và thực hiện. Tổ chức tuyên truyền các văn bản, TTHC trên hệ thống Quản lý văn bản điều hành, trên trang thông tin điện tử của xã và trên các trang mạng xã hội (Zalo,

Facebook). Trong quý I, đã thực hiện được 18 tin bài về CCHC bao gồm cả các văn bản chỉ đạo. Ngoài ra còn tuyên truyền thông qua các hình thức khác như tuyên truyền thông qua tổ công nghệ số cộng đồng tại các thôn, thông qua hoạt động tuyên truyền của Đoàn thanh niên xã.

UBND xã cũng đã ban hành Kế hoạch số 353/KH-UBND ngày 23/02/2026 về phát động phong trào thi đua thực hiện công tác Cải cách hành chính năm 2026.

2. Tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh giao, Chủ tịch UBND tỉnh giao

- Tổng số nhiệm vụ được giao: 02
- Số nhiệm vụ đã hoàn thành: 02
- Số nhiệm vụ chưa hoàn thành: 0
- Không có nhiệm vụ quá hạn.

II. KẾT QUẢ CỤ THỂ

1. Cải cách thể chế

1.1. Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

UBND xã đã ban hành Công văn số 314/UBND-VP ngày 09/2/2026 về việc hướng dẫn quy trình xây dựng văn bản QPPL đồng thời chỉ đạo các phòng chuyên môn, Trung tâm Phục vụ HCC, các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm túc quy trình xây dựng văn bản QPPL đảm bảo chặt chẽ, khoa học, chuyên nghiệp và đúng trình tự, thủ tục trong ban hành văn bản QPPL. Giao Văn phòng HĐND&UBND thẩm định 02 dự thảo văn bản QPPL thuộc thẩm quyền ban hành của HĐND xã do UBND xã trình; trên cơ sở đó HĐND xã đã ban hành 02 văn bản QPPL (02 Nghị quyết).

- Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 10/01/2026 Nghị quyết Quy định các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn xã Vĩnh Thủy.

- Nghị quyết số 02/2026/QĐ-HĐND ngày 10/01/2026 Quy định chính sách hỗ trợ phát triển mô hình sản xuất hữu cơ trên địa bàn xã Vĩnh Thủy.

1.2. Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật.

UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 200/KH-UBND ngày 28/01/2026 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn xã Vĩnh Thủy; Kế hoạch số 387/KH-UBND ngày 27/02/2026 về Quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn xã Vĩnh Thủy năm 2026. Giao Văn phòng HĐND&UBND triển khai cụ thể các nhiệm vụ tổ chức thi hành pháp luật theo Nghị định số 80/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về tổ chức thi hành văn bản QPPL. Phân công cụ thể nội dung, nhiệm vụ theo dõi thi hành pháp luật cho các ban, ngành của UBND xã, nhằm tạo sự chuyển biến trong công tác theo dõi thi hành pháp luật tại địa phương.

1.3. Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật

UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 201/KH-UBND, ngày 28/01/2026 thực hiện công tác kiểm tra, rà soát văn bản QPPL trên địa bàn xã Vĩnh Thủy năm 2026; Kế hoạch số 203/KH-UBND ngày 28/01/2026 về Rà soát văn bản QPPL của HĐND&UBND xã. Giao Văn phòng HĐND&UBND xã giúp Chủ tịch UBND xã tự kiểm văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân xã ban hành; phối hợp với các Ban HĐND xã tự kiểm tra văn bản QPPL do Hội đồng nhân dân xã ban hành.

Trong quý I/2026 đã tổ chức rà soát toàn diện văn bản QPPL ban hành còn hiệu lực thi hành với 02 văn bản do HĐND xã ban hành vào tháng 01/2026.

- Về công tác tự kiểm tra: HĐND xã đã thực hiện tự kiểm tra 02 văn bản liên quan đến quy định các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở và chính sách hỗ trợ phát triển mô hình sản xuất hữu cơ trên địa bàn xã do HĐND xã ban hành.

- Tiến độ, kết quả xử lý văn bản sau kiểm tra, rà soát: Công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện nghiêm túc nhằm định hướng nội dung và phân công nhiệm vụ rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật cho các ban, ngành và cơ quan chuyên môn của UBND xã. Qua rà soát không có văn bản QPPL nào đề nghị thay thế, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ. Kết quả rà soát đều đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp.

1.4. Tình hình thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật.

UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 188/KH-UBND ngày 27/01/2026 về triển khai nhiệm vụ trọng tâm công tác Tư pháp năm 2026, trong đó xác định rõ nhiệm vụ đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, công chức và Nhân dân trên địa bàn. Đồng thời, UBND xã đã ban hành trên 13 văn bản¹ chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai liên quan đến công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật.

¹ Đã ban hành 13 văn bản gồm:

- Kế hoạch số 189/KH-UBND ngày 27/01/2026 về việc Thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; xây dựng địa phương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; trợ giúp pháp lý; hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, hợp tác xã trên địa bàn xã Vĩnh Thủy năm 2026;
- Kế hoạch số 146/KH-UBND ngày 22/01/2026 về tuyên truyền, phổ biến Luật, Nghị định được Quốc hội khóa XV thông qua tại kỳ họp thứ 10;
- Công văn số 147/UBND-VP ngày 22/01/2026 về việc Hướng dẫn thực hiện việc tuyên truyền phổ biến các luật Nghị định được Quốc hội khóa XV thông qua tại kỳ họp thứ 10;
- Công văn số 227/UBND-VP ngày 30/10/2026 về việc tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, thực hiện Pháp luật về cư trú trên địa bàn xã Vĩnh Thủy;
- Công văn số 256/UBND-VP ngày 04/02/2026 về việc đẩy mạnh phổ biến, giáo dục pháp luật phục vụ cuộc bầu cử ĐBQH khoá XVI và Đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031;
- Công văn số 261/UBND-VP ngày 04/02/2026 về việc tăng cường công tác phổ biến giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên địa bàn xã Vĩnh Thủy;
- Kế hoạch số 289/KH-UBND ngày 06/02/2026 Tuyên truyền triển khai thực hiện Nghị quyết số 394-NQ/CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ về phát động phong trào toàn dân tham gia bảo vệ môi trường; giảm thiểu phát sinh, phân loại, thu gom, xử lý rác thải vì một Việt Nam sáng – xanh – sạch đẹp trên địa bàn xã Vĩnh Thủy;

- Các Chuyên đề được biên soạn ngắn gọn, cung cấp những thông tin hữu ích, thiết thực; trong đó tập trung vào các chủ trương, chính sách của Đảng, văn bản pháp luật của nhà nước, đặc biệt là các luật, bộ luật mới ban hành. Các file ghi âm tài liệu tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật hàng tháng do Sở Tư pháp gửi về Ủy ban nhân dân xã đều được tuyên truyền trên loa truyền thanh của xã 1 tuần 2 lần. Chuyên mục “Tuyên truyền và phổ biến giáo dục pháp luật” trên Trang thông tin điện tử của xã đặc biệt chú trọng, trong quý I/2026 đã tuyên truyền hơn 40 bài viết về phổ biến, giáo dục pháp luật, giúp người dân dễ dàng tiếp cận các quy định pháp luật mới, hướng dẫn thủ tục hành chính, các văn bản pháp luật liên quan trực tiếp đến đời sống nhân dân.

- Hình thức tuyên truyền: Với mục đích giúp cán bộ, công chức, người lao động và người dân trên địa bàn xã nâng cao nhận thức, hiểu biết về pháp luật UBND xã đã thực hiện đa dạng hoá các hình thức tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật. Giao trách nhiệm cho Văn phòng HĐND&UBND tham mưu xây dựng các kế hoạch, phối hợp với các đoàn thể, Công an, Quân sự, các thôn tuyên truyền bằng nhiều hình thức như: Thông qua các buổi họp, sinh hoạt, hội nghị lồng ghép nội dung tuyên truyền cho cán bộ, công chức. Phối hợp với Trường học tuyên truyền thông qua các buổi sinh hoạt ngoại khóa cho các em học sinh THCS&THPT trên địa bàn. Tuyên truyền trên Trang thông tin điện tử và Fanpage xã Vĩnh Thủy - Tỉnh Quảng Trị. Phát thanh trên hệ thống loa truyền thanh của xã.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

2.1. Cải cách thủ tục hành chính

a) Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC

Trong Quý I năm 2026, UBND xã Vĩnh Thủy chưa thực hiện rà soát TTHC

b) Tổng hợp, cập nhật số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã và số lượng TTHC thuộc các cơ quan ngành dọc đóng tại địa phương.

UBND xã Vĩnh Thủy đã ban hành Quyết định số 194/QĐ-UBND ngày 09/3/2026 về việc phê duyệt danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận,

- Kế hoạch số 389/KH-UBND ngày 27/02/2026 Triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 luật có liên quan đến an ninh, trật tự trên địa bàn xã Vĩnh Thủy;

- Kế hoạch số 392/KH-UBND ngày 27/02/2026 Triển khai thực hiện Quyết định số 2715/QĐ-TTg ngày 13 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện các khuyến nghị của Ủy ban Nhân quyền Liên hợp quốc đối với Báo cáo lần thứ tư của Việt Nam về thực hiện Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị trên địa bàn xã Vĩnh Thủy;

- Kế hoạch số 393/KH-UBND ngày 27/02/2026 Triển khai thi hành Luật Thi hành án dân sự trên địa bàn xã Vĩnh Thủy;

- Kế hoạch số 395/KH-UBND Triển khai thực hiện Quyết định số 977/QĐ-TTg ngày 11/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân” trên địa bàn xã Vĩnh Thủy;

- Kế hoạch số 396/KH-UBND ngày 27/02/2026 Triển khai thi hành Luật Tương trợ tư pháp về dân sự trên địa bàn xã Vĩnh Thủy;

- Kế hoạch số 429/KH-UBND ngày 04/3/2026 Truyền thông trợ giúp pháp lý trên địa bàn xã Vĩnh Thủy năm 2026;

giải quyết tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Vĩnh Thủy cụ thể có: 432 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết UBND cấp xã.

2.2. Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

a) Tình hình tổ chức và hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị và phần mềm ứng dụng được trang bị đầy đủ (đã được phủ xanh trên Hệ thống quốc gia) gồm các thiết bị sau: 06 máy tính; 07 máy in, 05 máy scan, 01 máy tính để người dân nộp hồ trực tuyến; 01 máy photo; 01 máy bấm số tự động, 01 màn hình hiển thị số thứ tự; 01 máy tra cứu chuyên dụng và 02 camera.

- Cơ chế phối hợp: đã ban hành Quyết định số 896/QĐ - UBND ngày 13/10/2025 về việc Ban hành Quy chế phối hợp giữa Trung tâm phục vụ hành chính công xã Vĩnh Thủy với các phòng chuyên môn thuộc UBND xã và các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Vĩnh Thủy.

-Về nhân sự: Tại Trung tâm hiện nay đã bố trí 05 công chức biên chế/05 quầy (Hộ tịch, Chứng thực, Đất đai, Chính sách và Đăng ký kinh doanh). Ngoài 05 quầy đã nói ở trên, Trung tâm đã ký Hợp đồng với 02 bộ phận là Bru điện và Viettel để thuận tiện cho việc trả Kết quả tại nhà và thực hiện các thủ tục phi địa giới hành chính, đồng thời bố trí 01 người hoạt động không chuyên trách để hỗ trợ, giúp việc cho Trung tâm

b) Kết quả thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC

- Kết quả số hoá cụ thể như sau: Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính thực hiện số hoá đầu vào đạt 100%, số hoá kết quả đạt 96,59%

c) Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC tại cơ quan, đơn vị.

Các thủ tục hành chính được tiếp nhận và giải quyết theo đúng trình tự theo Quyết định đã được Công bố của UBND tỉnh Quảng Trị. Các thủ tục sau khi được tiếp nhận, hướng dẫn và số hóa đầy đủ được chuyển sang các Phòng ban để giải quyết đúng thời hạn.

Từ ngày 10/12/2025 đến ngày 09/03/2026 đã tiếp nhận 1445 hồ sơ (trong đó tiếp nhận trực tuyến 1437 hồ sơ và tiếp nhận trực tiếp 08 hồ sơ), đã giải quyết 1432 hồ sơ (hồ sơ giải quyết trước hạn 1418 hồ sơ; đúng hạn: 0 hồ sơ; quá hạn: 02 hồ sơ) và đang giải quyết 27 hồ sơ.

d) Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC

Trong quý I năm 2026, xã Vĩnh Thủy không có phản ánh, kiến nghị

3. Cải cách tổ chức bộ máy

a) *Kết quả rà soát, hoàn thiện các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập tại địa phương.*

- UBND xã Vĩnh Thủy đã ban hành Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 15/7/2025 về Quy chế làm việc của UBND xã Vĩnh Thủy, nhiệm kỳ 2021-2026; Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 28/07/2025 về Nội quy tiếp công dân tại Trụ sở tiếp công dân xã Vĩnh Thủy.

- 04/04 phòng chuyên môn và 01/01 đơn vị thuộc UBND xã đã được quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn.

b) *Kết quả rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập tại địa phương.*

Hiện nay số lượng các phòng chuyên môn: 03 phòng, 01 Trung tâm Phục vụ Hành chính công và 08 đơn vị sự nghiệp trong đó 07 đơn vị sự nghiệp giáo dục và 01 đơn vị sự nghiệp khác. UBND xã Vĩnh Thủy đã có tờ trình số 345/TTr-UBND ngày 13/02/2026 gửi Sở Nội vụ thẩm định trình UBND tỉnh cho phép thành lập Ban Quản lý Dự án xã.

c) *Đánh giá về tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức.*

Thực hiện Quyết định số 3124/QĐ-UBND ngày 16/12/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị²; UBND xã Vĩnh Thủy đã trình Ban Thường vụ Đảng ủy xã về giao chỉ tiêu biên chế và Trình HĐND xã ban hành Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 10/01/2026 về việc giao chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính và viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND xã Vĩnh Thủy năm 2026.

d) *Đánh giá kết quả thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền ở địa phương.*

Việc tuân thủ các quy định về phân cấp được UBND xã thực hiện nghiêm túc, đúng quy định, đảm bảo tính thống nhất trong quản lý. Thông qua Quy định về phân cấp đã tạo sự chủ động trong tham mưu đề xuất thực hiện nhiệm vụ, giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền theo quy định, tăng cường trách nhiệm, tính chủ động, tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong công tác quản lý.

4. Cải cách chế độ công vụ công chức

a) *Kết quả xây dựng, ban hành các quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức.*

Thực hiện Thực hiện Quyết định số 2301/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 và Quyết định số 2276/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị (cũ),

² Quyết định số 3124/QĐ-UBND ngày 16/12/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về giao biên chế công chức, số lượng người làm việc, hợp đồng trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc khối chính quyền địa phương từ ngày 01/01/2026

UBND xã đã bố trí cán bộ, công chức, viên chức vào các vị trí việc làm theo phương án đã được phê duyệt

b) Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức tại địa phương.

UBND xã Vĩnh Thủy đã ban hành Quyết định số 707/QĐ-UBND ngày 18/8/2025 về ban hành Quy chế văn hóa công sở và quy tắc ứng xử trong thực thi công vụ của cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách làm việc trong các cơ quan hành chính Nhà nước trên địa bàn xã Vĩnh Thủy

Nhằm tăng cường việc kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức; UBND xã Vĩnh Thủy đã ban hành Kế hoạch số 350/KH-UBND ngày 23/02/2026 về kiểm tra công vụ và kỷ luật, kỷ cương hành chính năm 2026. Theo đó trong thời gian tới sẽ tổ chức thành lập đoàn Kiểm tra và tiến hành kiểm tra tại các cơ quan, đơn vị.

c) Kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Trong Quý I, UBND xã Vĩnh Thủy đã thực hiện cử cán bộ, công chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo các văn bản của tỉnh đảm bảo đúng thành phần và số lượng theo quy định.

d) Kết quả giải quyết cho nghỉ hưởng chế độ, chính sách đối với công chức, viên chức, người lao động.

Trong quý I, UBND xã Vĩnh Thủy không thực hiện giải quyết chế độ thôi việc cho cán bộ, công chức, viên chức.

5. Cải cách tài chính công

a) Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính-ngân sách tại địa phương.

- Thu ngân sách trên địa bàn:

+ Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn từ 01/01/2026 đến 04/3/2026 đạt 25.400,99 triệu đồng, bằng 16% dự toán xã giao (25.400,99 triệu đồng/159.532,92 triệu đồng), bằng 16,51% dự toán tỉnh giao (25.400,99 triệu đồng/153.809,00 triệu đồng)

+ Thu ngân sách xã hưởng đạt 2.555,69 triệu đồng, bằng 13,61% dự toán xã giao (2.555,69 triệu đồng/18.774,35 triệu đồng), bằng 16,69% dự toán tỉnh giao (2.555,69 triệu đồng/15.310,00 triệu đồng).

- Kết quả thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công.

Trong quý I, xã chưa thực hiện giải ngân vốn đầu tư công.

b) Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công.

- Trên cơ sở Phương án số 01/PA-UBND ngày 27/6/2025 của UBND huyện Vĩnh Linh về sắp xếp, bố trí tài sản, công cụ, dụng cụ trang thiết bị trong quá trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp, UBND xã tiếp tục bố trí, theo đó đối với các cơ sở nhà, đất, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, công

cụ dụng cụ của 3 xã và các cá nhân từ các Phòng, Ban cấp huyện, đơn vị khác trong huyện chuyển về công tác tại UBND xã Vĩnh Thủy.

- Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công tại Quyết định số 1265/QĐ-UBND ngày 05/12/2025 để triển khai đến toàn thể Cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ không chuyên trách được giao quản lý, sử dụng tài sản phải có trách nhiệm thực hiện đúng quy định hiện hành của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

c) Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập

- Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ tài chính trong năm 2026 là: 8 đơn vị; Trong đó có 7 đơn vị thuộc lĩnh vực sự nghiệp vực Giáo dục và Đào tạo, 1 đơn vị thuộc lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác.

- Về mức độ tự chủ (4 nhóm) trong giai đoạn thực hiện tự chủ tài chính: Có 8 đơn vị nhóm 4.

- Tình hình xây dựng, thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ: Nhìn chung các đơn vị đã thực hiện việc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ đảm bảo tuân thủ các chế độ, định mức quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời bám sát vào chức năng nhiệm vụ để xây dựng quy chế phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị, được viên chức, lao động tham gia thảo luận và biểu quyết thông qua tại hội nghị CNVC và thủ trưởng đơn vị ký quyết định ban hành và báo cáo cấp trên theo đúng quy định. Tại Quy chế chi tiêu nội bộ đơn vị đã đưa vào quy định cụ thể định các khoản chi phúc lợi, các khoản chi công tác chuyên môn trong quy chế chi tiêu nội bộ và tuyên truyền tiết kiệm, chống lãng phí trong đơn vị.

- Số đơn vị đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ 8/8 đơn vị.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

a) Kết quả hoàn thiện thể chế phục vụ xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số ở địa phương.

UBND xã Vĩnh Thủy đã quan tâm triển khai nhiều nhiệm vụ nhằm từng bước hoàn thiện thể chế phục vụ xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, hướng tới Chính quyền số. UBND xã đã kịp thời ban hành các Kế hoạch số 1278/KH-UBND ngày 06/11/2026 của UBND xã Vĩnh Thủy về việc ban hành Kế hoạch chuyển đổi số trên địa bàn xã Vĩnh Thủy năm 2026. Qua đó, chỉ đạo triển khai thực hiện các chủ trương của Trung ương, của tỉnh về chuyển đổi số, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số và thực hiện Đề án 06 của Chính phủ tại địa phương, làm cơ sở để tổ chức triển khai đồng bộ các nhiệm vụ liên quan đến chuyển đổi số trong hoạt động quản lý nhà nước.

b) Kết quả xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật

- Hệ thống trang thiết bị công nghệ thông tin tại UBND xã cơ bản được trang bị đầy đủ, đáp ứng yêu cầu xử lý công việc của cán bộ, công chức. Các

phòng làm việc đều được trang bị máy vi tính, máy in, máy scan phục vụ công tác chuyên môn; hệ thống mạng nội bộ (LAN) được kết nối đồng bộ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi, xử lý thông tin.

- Xã đã tích cực phối hợp với Trung tâm Chuyên đổi số và CNTT; Sở Khoa học công nghệ trong việc khai thác, sử dụng các công nghệ thông tin điện tử, mạng xã hội và các nền tảng số để tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và thông tin về các hoạt động của địa phương.

- Công tác đảm bảo an toàn thông tin được quan tâm thực hiện; Hạ tầng kỹ thuật phục vụ xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số trên địa bàn xã Vĩnh Thủy từng bước được đầu tư, nâng cấp và phát huy hiệu quả. Đây là nền tảng quan trọng để đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

c) Kết quả xây dựng, phát triển các hệ thống nền tảng

UBND xã đã triển khai sử dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành trong toàn bộ hoạt động của cơ quan. Thực hiện ký số văn bản điện tử, liên thông gửi lên trực liên thông. 100% cán bộ, công chức được cấp tài khoản và sử dụng. Việc sử dụng Hệ thống quản lý văn bản và điều hành đã tạo thuận lợi cho cán bộ, công chức giải quyết công việc nhanh chóng, tiết kiệm thời gian, chi phí và đạt hiệu quả cao trong công việc.

d) Kết quả xây dựng, phát triển dữ liệu

UBND xã đã triển khai khai thác hiệu quả dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện Đề án 06 của Chính phủ. Việc sử dụng dữ liệu dân cư giúp rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, giảm giấy tờ cho người dân và nâng cao hiệu quả quản lý.

Các hồ sơ tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của xã được cập nhật, theo dõi trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC theo quy định. Việc cập nhật dữ liệu giúp theo dõi tiến độ xử lý hồ sơ, đảm bảo công khai, minh bạch trong giải quyết thủ tục hành chính.

e) Kết quả xây dựng, phát triển các ứng dụng, dịch vụ nội bộ

Ứng dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành trong tiếp nhận, xử lý và ban hành văn bản điện tử. Phần lớn văn bản trao đổi giữa UBND xã với các cơ quan cấp trên và giữa các bộ phận trong cơ quan được thực hiện trên hệ thống, góp phần rút ngắn thời gian xử lý công việc và nâng cao hiệu quả điều hành.

Cán bộ, công chức sử dụng thư điện tử công vụ trong trao đổi thông tin, gửi nhận văn bản và phục vụ công tác chuyên môn. Việc sử dụng thư điện tử công vụ giúp tăng tính chuyên nghiệp, đảm bảo an toàn thông tin trong quá trình trao đổi công việc.

f) Kết quả xây dựng, phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp

UBND xã Vĩnh Thủy đã chú trọng triển khai các ứng dụng, dịch vụ số nhằm nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp, góp phần đẩy mạnh CCHC và thực hiện chuyển đổi số tại địa phương.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân tiếp cận và sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, các ứng dụng số phục vụ đời sống và giao dịch hành chính. Thông qua các hình thức tuyên truyền trực tiếp, trên hệ thống truyền thanh và các nền tảng số, người dân ngày càng nâng cao nhận thức và từng bước làm quen với việc sử dụng dịch vụ số.

Tăng cường sử dụng các nền tảng số, mạng xã hội để cung cấp thông tin, tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, đồng thời tiếp nhận các ý kiến phản ánh của người dân, góp phần nâng cao hiệu quả tương tác giữa chính quyền với người dân.

g) Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến tại cơ quan, đơn vị

UBND xã Vĩnh Thủy đã tích cực triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến nhằm nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và thực hiện chuyển đổi số tại địa phương.

- + Tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện là 19/308 thủ tục, đạt 6,16%
- + Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình là 120/120 hồ sơ, đạt 100%
- + Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến một phần là 1228/1228 hồ sơ, đạt 100%
- + Tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn được duy trì đạt trên 99%

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Trong Quý I năm 2026, UBND xã Vĩnh Thủy đã tổ chức triển khai thực hiện theo đúng Kế hoạch cải cách hành chính năm 2026 đã đề ra, cụ thể như:

- Ban hành kịp thời các văn bản chỉ đạo, điều hành về công tác CCHC, trọng tâm là thực hiện cải cách thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; các thủ tục hành chính được niêm yết công khai theo quy định, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân và tổ chức trong giải quyết công việc; kỷ luật, kỷ cương hành chính được nâng cao. Cơ chế một cửa hoạt động có hiệu quả cao, giảm thời gian chờ đợi trong quá trình giao dịch giữa tổ chức, cá nhân với cơ quan Nhà nước.

- Ứng dụng tốt Công nghệ thông tin và phần mềm quản lý giúp tạo nền tảng tốt cho cải cách hành chính, minh bạch hóa và hiện đại hóa nền hành chính; cơ chế phối hợp tốt giữa các cơ quan, đơn vị được thực hiện tốt giúp tăng tính liên thông, đồng bộ trong giải quyết thủ tục hành chính, đảm bảo hiệu quả và chất lượng phục vụ.

- Tỷ lệ hồ sơ, Thủ tục hành chính được tiếp nhận, trả kết quả theo hình thức

trực tuyến ngày càng được tăng lên. Tỷ lệ giải quyết hồ sơ TTHC đúng hẹn tại địa phương chiếm tỷ lệ 99,86%.

- Việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của cơ quan, đơn vị đã từng bước cải tiến lề lối làm việc, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác, góp phần phục vụ các tổ chức, cá nhân ngày càng tốt hơn.

2. Tồn tại, hạn chế

- Việc tổ chức các buổi tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho người dân còn hạn chế.

- Trong một số thời điểm, do lượng truy cập lớn, phần mềm Một cửa và Dịch vụ công quốc gia xảy ra hiện tượng chậm hoặc phải đăng nhập lại nhiều lần, ảnh hưởng đến tiến độ xử lý hồ sơ và trải nghiệm của người dân.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CCHC TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC

Tăng cường công tác phổ biến, quán triệt, thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn các nội dung trong thực hiện CCHC, đặc biệt là cải cách TTHC và thực hiện dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ bưu chính công ích trong giải quyết TTHC.

2. Cải cách thể chế

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật với nhiều hình thức nhằm nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong các tầng lớp nhân dân. Thực hiện đúng các quy định về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất và tính khả thi của văn bản, đáp ứng yêu cầu công tác quản lý nhà nước.

- Rà soát, kiểm tra và hệ thống hoá các văn bản, kịp thời chỉnh sửa hoặc loại bỏ những văn bản trái pháp luật, không còn phù hợp, văn bản không có hiệu lực hoặc văn bản chồng chéo trùng lặp.

3. Cải cách thủ tục hành chính

- Tiếp tục thực hiện các nội dung tại Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC; Kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC và các nội dung liên quan đến công tác cải cách TTHC. Rà soát nghiêm ngặt, công khai kịp thời các TTHC mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế và kiểm tra, giám sát việc thực hiện các TTHC, bảo đảm sự thống nhất trong áp dụng TTHC.

- Thực hiện tốt công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính.

- Thực hiện có hiệu quả cơ chế “một cửa, một cửa liên thông” hiệu quả, đúng quy định.

4. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính

- Tiếp tục kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn và hiệu quả, trọng tâm là sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng dẫn của cấp trên.

- Tăng cường trách nhiệm của Thủ trưởng các đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

5. Cải cách chế độ công vụ

- Tăng cường công tác kiểm tra việc triển khai các nội dung CCHC gắn với việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong thực hiện công tác CCHC; nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành kỷ luật, kỷ cương của cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp.

6. Cải cách tài chính công

- Tiếp tục thực hiện điều hành thu chi ngân sách nhà nước theo quy định Luật ngân sách và pháp luật liên quan. Phân đấu hoàn thành nhiệm vụ thu chi theo dự toán được giao; tăng cường công tác kiểm tra chống thất thu ngân sách trên địa bàn, rà soát tất cả các nguồn thu kịp thời đưa vào quản lý thu thuế, đồng thời quản lý tốt các nguồn thu phát sinh, phân đấu đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch giao.

- Quản lý hiệu quả tài sản công. Nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhất là trong lĩnh vực đầu tư công và quản lý tài sản công.

7. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

- Tiếp tục quán triệt, triển khai các văn bản chỉ đạo của Trung ương, tỉnh, về chuyển đổi số và Đề án 06.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số, gắn kết quả thực hiện với đánh giá, xếp loại cán bộ.

- Từng bước hiện đại hóa hạ tầng công nghệ thông tin của xã, bảo đảm đường truyền, thiết bị phục vụ vận hành chính quyền số.

- Tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện tiếp nhận, xử lý trên phần mềm dịch vụ công, không để tồn đọng quá hạn. Phân đấu 100% văn bản đi, đến được xử lý trên phần mềm quản lý văn bản, sử dụng chữ ký số.

- Phát huy hiệu quả mô hình “Tổ công nghệ cộng đồng” tại các thôn để hỗ trợ người dân và Tổ ứng cứu công nghệ và nghiệp vụ hỗ trợ giải quyết TTHC xã Vĩnh Thủy.

- Khuyến khích người dân sử dụng thanh toán điện tử, hóa đơn điện tử, ứng dụng ngân hàng số. Tăng cường ứng dụng công nghệ trong sản xuất nông nghiệp, quản lý dịch vụ thương mại.

Trên đây là báo cáo về kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính Quý I năm 2026, UBND xã Vĩnh Thủy báo cáo để Sở Nội vụ được biết và tổng hợp đúng thời gian quy định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- TT Đảng ủy;
- CT và các PCT UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã;
- Lưu: VT, VHXH.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Thái Nam Sơn

PHỤ LỤC

Các chỉ tiêu thực hiện Cải cách hành chính quý I, năm 2026

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /3/2026 của UBND xã Vĩnh Thủy)

Biểu mẫu 1

CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản	4	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	35	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	41	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	14	
3.	Kiểm tra CCHC			Thực hiện trong quý III
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
3.2.	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%		
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
4.	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao			
4.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	02	
4.1.1.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	02	
4.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
4.1.3.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
5.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0		
5.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	0	
5.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	0	
6.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	0	

Biểu mẫu 2
CẢI CÁCH THỂ CHẾ

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL¹ do địa phương ban hành	Văn bản	2	
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản		
1.2.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	2	
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL		0	
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản		
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%		
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản		
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		
3.	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền	Văn bản	2	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	100	
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	0	
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	

¹ Văn bản quy phạm pháp luật.

Biểu mẫu 3
CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Thống kê TTHC			Trung tâm Phục vụ hành chính công
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục		
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục		
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục		
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	419	
1.4.1.	<i>Số TTHC cấp tỉnh (bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>		
1.4.2.	<i>Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	419	
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa	%	100	
2.2.	Số TTHC đang thực hiện tiếp nhận và giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	155	
3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.1.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>		
3.1.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>		
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,86%	
3.2.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	1.418	
3.2.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	1.416	
3.3.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	0	
3.3.1.	<i>Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)</i>	<i>PAKN</i>	0	
3.3.2.	<i>Số PAKN đã giải quyết xong</i>	<i>PAKN</i>	0	

Biểu mẫu 4
CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%		
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%		
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban		
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức		
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	8	
1.5.1.	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>		
1.5.2.	<i>Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>		
1.5.3.	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp xã</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>	8	
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	39	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	36	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	0	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	229	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	229	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		

Biểu mẫu 5
CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức		0	
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị		
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức		0	
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
2.2.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển <i>(Lũy kế từ đầu năm)</i>	Người	0	
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật <i>(cả về Đảng và chính quyền).</i>		0	
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người		
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp xã bị kỷ luật.	Người	0	
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp xã bị kỷ luật.	Người	0	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	

Biểu mẫu 6
CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	0	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng		
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng		
2	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>		8	
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị		
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị		
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.1.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	Đơn vị		
2.4.2.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	Đơn vị		
2.4.3.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	Đơn vị		
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	8	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Đơn vị		

Biểu mẫu 7
XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
2.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
3.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
3.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã		100	
3.1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%		
3.1.2.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
3.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	100	
3.2.1.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh	%		
3.2.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	100	
4.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)			
4.1.	Tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện	%	6,16%	
4.1.1.	Tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình	DVC	308	
4.1.2.	Số lượng DVCTT toàn trình	DVC	19	
4.2.	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình + một phần)	%	100%	
4.2.1	Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)	DVC	39	
4.2.2	Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến	DVC	39	
4.3.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	%	100%	
4.3.1	Tổng số hồ sơ của DVCTT toàn trình (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ	120	
4.3.2	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT toàn trình	Hồ sơ	120	
4.4.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến một phần	%	100%	
4.4.1.	Tổng số hồ sơ của DVCTT một phần (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ	1.228	
4.4.2.	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT một phần	Hồ sơ	1.228	
4.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	84,21%	
4.5.1	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	Thủ tục	16	
4.5.2	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	19	